

Số: 12/TB-TTYT

Châu Thành, ngày 02 tháng 02 năm 2025

## THÔNG BÁO

Về việc yêu cầu báo giá cung cấp dịch vụ thẩm định giá gói thầu mua sắm vật tư văn phòng phẩm và vật tư tiêu hao năm 2025 tại Trung tâm Y tế huyện Châu Thành (lần 2)

Kính gửi: Quý Công ty, đơn vị cung cấp dịch vụ thẩm định tại Việt Nam

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/HQ15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ kế hoạch số 190/KH-TTYT, ngày 13/12/2024 của Trung tâm Y tế huyện Châu Thành về việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ năm 2025.

Trung tâm Y tế huyện Châu Thành có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu thẩm định giá gói thầu mua sắm vật tư văn phòng phẩm và vật tư tiêu hao năm 2025 tại Trung tâm Y tế huyện Châu Thành, với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Châu Thành.
- Nhận báo giá tại địa chỉ: Phòng Tổ chức – Hành chính, Trung tâm Y tế huyện Châu Thành – địa chỉ: 769 QL 61, khu phố Minh An, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang - điện thoại: 02973 836022 - Email: ttyt.ct@kiengiang.gov.vn
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Chậm nhất đến hết **17 giờ 00 ngày 17 tháng 02 năm 2025**. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Cung cấp dịch vụ thẩm định giá gói thầu mua sắm vật tư văn phòng phẩm và vật tư tiêu hao năm 2025 tại Trung tâm Y tế huyện Châu Thành.

(đính kèm bảng báo giá)

2. Chứng minh năng lực, kinh nghiệm của đơn vị:

Quý công ty, đơn vị tham gia báo giá cần đính kèm các tài liệu sau:

- Hồ sơ năng lực của Quý công ty, đơn vị.
- Biểu phí giá vật tư.

Trung tâm Y tế huyện Châu Thành rất mong nhận được sự quan tâm của Quý công ty, đơn vị. *T.Đ*

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: VT, txdkh.



**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Ngọc Trung**

# CÔNG TY TNHH HẢI HƯNG KG

Địa chỉ: Số 665 - 667 Mạc Cửu - P.Vĩnh Quang - Tp.Rạch Giá - KG

ĐT: 0385.455655

MST: 1701920173.

Chuyên kinh doanh: Đồ dùng - Vật tư - Thiết bị VP

|                                 |                            |
|---------------------------------|----------------------------|
| TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CHÂU THÀNH |                            |
| <b>ĐẾN</b>                      | Số:.....3206.....          |
|                                 | Ngày:.....12/12/24.....    |
|                                 | Chuyên:.....Phong THT..... |
|                                 | Lưu hồ sơ số:.....         |

**Kính gửi:** Trung tâm y tế huyện Châu Thành

## BẢNG BÁO GIÁ VĂN PHÒNG PHẨM

| Stt | Tên hàng hóa                  | Quy cách - chủng loại                                                                                                                      | Đvt | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|---------|------------|
| 1   | Giấy in A4                    | - Định lượng giấy: 70gsm<br>- Quy cách: khổ A4, 500 tờ/gam<br>- Cấu hình mã sản phẩm: IS 14490;<br>CM/L-4100100346<br>- Xuất xứ: Indonesia | Gam | 1.370    | 72.000  | 98.640.000 |
| 2   | Giấy in A5                    | - Định lượng giấy: 70gsm<br>- Quy cách: khổ A5, 500 tờ/gam<br>- Cấu hình mã sản phẩm: IS 14490;<br>CM/L-4100100346<br>- Xuất xứ: Indonesia | Gam | 1.006    | 36.000  | 36.216.000 |
| 3   | Giấy in A3                    | - Định lượng giấy: 70gsm<br>- Quy cách: 500 tờ/gam<br>- Xuất xứ: Indonesia                                                                 | Gam | 4        | 145.000 | 580.000    |
| 4   | Giấy bìa A4 cứng (trắng, màu) | - Định lượng giấy: 180gsm<br>- Quy cách: 100 tờ/xấp<br>- Độ trắng: 90-92<br>- Xuất xứ: Indonesia                                           | Gam | 26       | 38.500  | 1.001.000  |
| 5   | Giấy bìa A4 mỏng (màu)        | - Định lượng giấy: 180gsm<br>- Quy cách: 100 tờ/xấp<br>- Độ trắng: 90-92<br>- Xuất xứ: Indonesia                                           | Gam | 21       | 75.000  | 1.575.000  |
| 6   | Giấy bìa A5                   | - Định lượng giấy: 180gsm<br>- Quy cách: 100 tờ/xấp<br>- Độ trắng: 90-92<br>- Xuất xứ: Indonesia                                           | Xấp | 33       | 18.500  | 610.500    |
| 7   | Viết bi đen, đỏ               | - Quy cách: ngòi viết 0.5mm<br>- Model: TL-027<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                                | Cây | 158      | 4.500   | 711.000    |
| 8   | Viết bi mực xanh              | - Quy cách: ngòi viết 0.5mm<br>- Model: TL-027<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                                | Cây | 3.622    | 4.500   | 16.299.000 |
| 9   | Viết lông dầu                 | - Quy cách: Loại bút lông đầu 02 đầu bút, 0,8mm và 0,6mm. Màu mực: xanh, đỏ, đen<br>- Model: PM - 09<br>- Nước sản xuất: Việt Nam          | Cây | 46       | 9.800   | 450.800    |
| 10  | Viết lông bảng                | - Quy cách: Loại bút lông bảng 01 đầu (màu xanh, đỏ, đen), bề rộng nét viết 2,5mm<br>- Model: WB - 03<br>- Nước sản xuất: Việt Nam         | Cây | 103      | 9.800   | 1.009.400  |

|    |                   |                                                                                                                                                                                           |      |       |        |           |
|----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------|--------|-----------|
| 11 | Viết lông kim     | - Quy cách: Loại bút lông đầu 02 đầu bút, 1mm và 0,4mm. Màu mực: xanh, đỏ, đen<br>- Model: PM - 04<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                           | Cây  | 251   | 9.800  | 2.459.800 |
| 12 | Viết cầm bàn đôi  | - Quy cách: ngòi viết 0.7mm<br>- Model: PH-02<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                                                                                | Bộ   | 46    | 18.600 | 855.600   |
| 13 | Viết dạ quang     | - Model: SP187<br>- Kích thước: 11 x 2 x 1 (cm).<br>- Quy cách: Có màu mực tươi sáng, phản quang tốt, nét viết hoặc đánh dấu đều và liên tục, không độc hại.<br>- Nước sản xuất: Đài Loan | Cây  | 78    | 9.000  | 702.000   |
| 14 | Viết chì          | - Quy cách: 2B<br>- Model: SP340<br>- Nước sản xuất: Thái Lan                                                                                                                             | Cây  | 77    | 5.000  | 385.000   |
| 15 | Thước kẻ cứng     | - Quy cách: dài 30cm<br>- Chất liệu: nhựa cứng<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                                                                               | Cây  | 38    | 8.500  | 323.000   |
| 16 | Thước kẻ mềm      | - Quy cách: dài 30cm<br>- Chất liệu: nhựa mềm<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                                                                                | Cây  | 4     | 9.000  | 36.000    |
| 17 | Hồ dán            | - Quy cách: 30ml<br>- Model: G08<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                                                                                             | Chai | 820   | 4.000  | 3.280.000 |
| 18 | Băng keo gân xanh | - Quy cách: 60Y<br>- Độ dài: 40m<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                                                                                             | Cuộn | 58    | 14.200 | 823.600   |
| 19 | Băng keo trong    | - Quy cách: 100Y<br>- Độ dài: 90m<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                                                                                            | Cuộn | 119   | 12.800 | 1.523.200 |
| 20 | Tập 200 trang     | - Quy cách: 200 trang, DL80<br>- Độ trắng: 90<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                                                                                | Cuốn | 47    | 16.500 | 775.500   |
| 21 | Băng keo 2 mặt    | - Quy cách: 20Y<br>- Độ dài: 15m<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                                                                                             | Cuộn | 10    | 15.000 | 150.000   |
| 22 | Sơ mi nút         | - Quy cách: khổ F4, có nút<br>- Chất liệu: nhựa dẻo dày<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                                                                      | Cái  | 1.300 | 3.500  | 4.550.000 |
| 23 | Sơ mi lá          | - Quy cách: khổ F4, không nút<br>- Chất liệu: nhựa dẻo dày<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                                                                   | Cái  | 430   | 3.300  | 1.419.000 |
| 24 | Bìa 3 dây 5cm     | - Quy cách: 5cm, khổ F4, 3 dây<br>- Chất liệu: bìa cứng dày<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                                                                  | Cái  | 156   | 8.900  | 1.388.400 |
| 25 | Bìa 3 dây 10cm    | - Quy cách: 10cm, khổ F4, 3 dây<br>- Chất liệu: bìa cứng dày<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                                                                 | Cái  | 235   | 11.000 | 2.585.000 |
| 26 | Bìa 3 dây 15cm    | - Quy cách: 15cm, khổ F4, 3 dây<br>- Chất liệu: bìa cứng dày<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                                                                 | Cái  | 70    | 13.800 | 966.000   |
| 27 | Hộp hồ sơ 10F     | - Quy cách: lưng 10cm, khổ F4<br>- Chất liệu: bìa hộp cứng dày<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                                                                               | Hộp  | 25    | 55.000 | 1.375.000 |

|    |                          |                                                                                                       |      |       |        |            |
|----|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------|--------|------------|
| 28 | Hộp hồ sơ 15F            | - Quy cách: lưng 15cm, khổ F4<br>- Chất liệu: bìa hộp cứng dày<br>- Nước sản xuất: Việt Nam           | Hộp  | 4     | 60.000 | 240.000    |
| 29 | Hộp hồ sơ 20F            | - Quy cách: lưng 20cm, khổ F4<br>- Chất liệu: bìa hộp cứng dày<br>- Nước sản xuất: Việt Nam           | Hộp  | 14    | 68.000 | 952.000    |
| 30 | Giấy note nhựa           | - Quy cách: 5 màu, 1,3 x 4,5cm<br>- Chất liệu: nhựa dẻo màu<br>- Nước sản xuất: Việt Nam              | Xấp  | 10    | 17.500 | 175.000    |
| 31 | Giấy note                | - Quy cách: màu vàng, 7,6x7,6cm<br>- Chất liệu: giấy màu<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                 | Xấp  | 85    | 10.500 | 892.500    |
| 32 | Tập khổ A4               | - Quy cách: 200 trang, ĐL80<br>- Độ trắng: 90<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                            | Cuốn | 21    | 16.000 | 336.000    |
| 33 | Sổ hợp 20x30cm           | - Quy cách: khổ A4, 300 trang,<br>- Độ trắng: 90; ĐL80<br>- Hiệu: Vibook<br>- Nước sản xuất: Việt Nam | Cuốn | 52    | 38.000 | 1.976.000  |
| 34 | Sổ bìa da                | - Quy cách: CK7, 250 trang,<br>- Độ trắng: 90; ĐL80<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                      | Cuốn | 31    | 45.000 | 1.395.000  |
| 35 | Pin tiểu                 | - Quy cách: 2A, 40 viên/hộp<br>- Chất liệu: than chì<br>- Nước sản xuất: Nhật Bản                     | Cục  | 2.850 | 4.000  | 11.400.000 |
| 36 | Pin đũa                  | - Quy cách: 3A, 40 viên/hộp<br>- Chất liệu: than chì<br>- Nước sản xuất: Nhật Bản                     | Cục  | 327   | 4.000  | 1.308.000  |
| 37 | Pin CR2032 Maxell        | - Quy cách: CR2032, 12 viên/hộp<br>- Chất liệu: than chì<br>- Nước sản xuất: Nhật Bản                 | Cục  | 120   | 7.500  | 900.000    |
| 38 | Pin 1.5 vol              | - Quy cách: 1,5V; 40 viên/hộp<br>- Chất liệu: than chì<br>- Nước sản xuất: Nhật Bản                   | Cục  | 20    | 6.000  | 120.000    |
| 39 | Pin trung                | - Quy cách: R14UT/2S, 12 viên/hộp<br>- Chất liệu: than chì<br>- Nước sản xuất: Nhật Bản               | Cục  | 20    | 12.500 | 250.000    |
| 40 | Gôm bôi chì              | - Quy cách: hình vuông<br>- Model: E-06<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                                  | Cục  | 35    | 5.000  | 175.000    |
| 41 | Mực dầu xanh             | - Quy cách: 15ml, màu đỏ<br>- Model: SI63<br>- Nước sản xuất: Đài Loan                                | Chai | 41    | 65.000 | 2.665.000  |
| 42 | Mực dầu đỏ               | - Quy cách: 15ml, màu xanh<br>- Model: SI62<br>- Nước sản xuất: Đài Loan                              | Chai | 6     | 65.000 | 390.000    |
| 43 | Mực dầu đỏ chai sành 555 | - Quy cách: chai sành, 15ml<br>- Model: 555<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                              | Chai | 120   | 22.000 | 2.640.000  |
| 44 | Sơ mi trình ký 1 kệp     | - Quy cách: khổ A4 màu xanh<br>- Chất liệu: nhựa simili<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                  | Cái  | 20    | 28.500 | 570.000    |
| 45 | Giấy than                | - Quy cách: khổ F4, 100 tờ/xấp<br>- Model: 440<br>- Nước sản xuất: Thái Lan                           | Hộp  | 1     | 75.000 | 75.000     |

Đ. N. 12  
CÔNG  
HẠCH NH  
HẢI  
Y GIÁ

|    |                           |                                                                                                |     |       |         |           |
|----|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------|---------|-----------|
| 46 | Đồ chuột chì              | - Quy cách: 45 x 30 x 28mm<br>- Model: S018<br>- Nước sản xuất: Việt Nam                       | Cái | 15    | 6.000   | 90.000    |
| 47 | Kéo cắt giấy lớn          | - Quy cách: dài 20cm<br>- Model: E6010<br>- Nước sản xuất: TQ                                  | Cây | 86    | 22.000  | 1.892.000 |
| 48 | Kẹp bướm 51mm Slecho      | - Quy cách: 51mm, 12 cái/hộp<br>- Chất liệu: sắt không gỉ sét<br>- Nước sản xuất: VN           | Hộp | 60    | 24.000  | 1.440.000 |
| 49 | Kẹp bướm 41mm Slecho      | - Quy cách: 41mm, 12 cái/hộp<br>- Chất liệu: sắt không gỉ sét<br>- Nước sản xuất: VN           | Hộp | 47    | 22.000  | 1.034.000 |
| 50 | Kẹp bướm 32mm Slecho      | - Quy cách: 32mm, 12 cái/hộp<br>- Chất liệu: sắt không gỉ sét<br>- Nước sản xuất: VN           | Hộp | 92    | 18.000  | 1.656.000 |
| 51 | Kẹp bướm 25mm Slecho      | - Quy cách: 25mm, 12 cái/hộp<br>- Chất liệu: sắt không gỉ sét<br>- Nước sản xuất: VN           | Hộp | 103   | 12.800  | 1.318.400 |
| 52 | Kẹp bướm 19mm Slecho      | - Quy cách: 19mm, 12 cái/hộp<br>- Chất liệu: sắt không gỉ sét<br>- Nước sản xuất: VN           | Hộp | 132   | 9.500   | 1.254.000 |
| 53 | Kẹp bướm 15mm Slecho      | - Quy cách: 15mm, 12 cái/hộp<br>- Chất liệu: sắt không gỉ sét<br>- Nước sản xuất: VN           | Hộp | 220   | 6.500   | 1.430.000 |
| 54 | Máy tính Casio 12 số      | - Quy cách: 12 số<br>- Model: HL-122TV<br>- Nước sản xuất: Nhật Bản                            | Cái | 26    | 350.000 | 9.100.000 |
| 55 | Ghim kẹp sắt              | - Quy cách: C62, tam giác, 100 cái/hộp<br>- Chất liệu: sắt không gỉ sét<br>- Nước sản xuất: VN | Hộp | 209   | 3.500   | 731.500   |
| 56 | Cây bấm đại               | - Hiệu: TriO<br>- Model: 50LA<br>- Nước sản xuất: Đài Loan                                     | Cây | 9     | 390.000 | 3.510.000 |
| 57 | Cây bấm kim số 10         | - Quy cách: số 10<br>- Model: PS-10E<br>- Nước sản xuất: Nhật Bản                              | Cây | 135   | 35.000  | 4.725.000 |
| 58 | Kim bấm số 3              | - Quy cách: số 3<br>- Chất liệu: sắt không gỉ sét<br>- Nước sản xuất: VN                       | Hộp | 112   | 8.500   | 952.000   |
| 59 | Kim bấm số 10             | - Quy cách: số 10<br>- Chất liệu: sắt không gỉ sét<br>- Nước sản xuất: VN                      | Hộp | 1.528 | 4.000   | 6.112.000 |
| 60 | Kim bấm đại số 23/17 TriO | - Quy cách: 23/17<br>- Chất liệu: sắt không gỉ sét<br>- Nước sản xuất: TQ                      | Hộp | 5     | 19.000  | 95.000    |
| 61 | Kim bấm đại số 23/10 TriO | - Quy cách: 23/10<br>- Chất liệu: sắt không gỉ sét<br>- Nước sản xuất: TQ                      | Hộp | 2     | 16.000  | 32.000    |
| 62 | Giấy kiếng thước          | - Quy cách: khổ 80cm<br>- Chất liệu: nhựa trong dày 5 rem<br>- Nước sản xuất: VN               | Mét | 18    | 25.000  | 450.000   |
| 63 | Bọc kiếng 13 x 23cm       | - Quy cách: 13 x 23cm<br>- Chất liệu: nhựa PE, dày 2 rem<br>- Nước sản xuất: VN                | Kg  | 46    | 48.000  | 2.208.000 |
| 64 | Bọc kiếng 6 x 12cm        | - Quy cách: 6 x 12cm<br>- Chất liệu: nhựa PE, dày 2 rem<br>- Nước sản xuất: VN                 | Kg  | 6     | 48.000  | 288.000   |

|    |                                |                                                                                                             |       |       |         |            |
|----|--------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|---------|------------|
| 65 | Bọc quai xách trắng 34 x 24 cm | - Quy cách: 34 x 24cm<br>- Chất liệu: nhựa PE, dày 2 rem<br>- Nước sản xuất: VN                             | Kg    | 20    | 42.000  | 840.000    |
| 66 | Bọc quai xách trắng 70 x 40cm  | - Quy cách: 70 x 40cm<br>- Chất liệu: nhựa PE, dày 2 rem<br>- Nước sản xuất: VN                             | Kg    | 8     | 42.000  | 336.000    |
| 67 | Bọc quai xách 20 x 24cm        | - Quy cách: 20 x 24cm<br>- Chất liệu: nhựa PE, dày 2 rem<br>- Nước sản xuất: VN                             | Kg    | 250   | 42.000  | 10.500.000 |
| 68 | Giấy vuông thường              | - Quy cách: 1 lớp (330 x 330)mm<br>- Chất liệu: giấy nguyên sinh<br>- Nước sản xuất: VN                     | Bịch  | 368   | 10.000  | 3.680.000  |
| 69 | Giấy vệ sinh                   | - Quy cách: 2 lớp 5cm, không lõi<br>- Chất liệu: giấy nguyên sinh<br>- Nước sản xuất: VN                    | Cuộn  | 5.580 | 5.000   | 27.900.000 |
| 70 | Cọ quét bàn phím (5P)          | - Quy cách: 10x5cm<br>- Chất liệu: cước nylon<br>- Nước sản xuất: VN                                        | Cây   | 8     | 15.000  | 120.000    |
| 71 | Chiếu mũ 90 x 200cm            | - Quy cách: 90x200cm, hàng xuất khẩu<br>- Chất liệu: sợi nhựa màu tốt<br>- Nước sản xuất: VN                | Chiếc | 1.160 | 38.000  | 44.080.000 |
| 72 | Chiếu mũ 140 x 200cm           | - Quy cách: 140x200cm, hàng xuất khẩu<br>- Chất liệu: sợi nhựa màu tốt<br>- Nước sản xuất: VN               | Chiếc | 10    | 65.000  | 650.000    |
| 73 | Gối nằm (vỏ + ruột gối)        | - Quy cách: 40x60cm<br>- Chất liệu: vỏ vải, ruột bông gòn<br>- Nước sản xuất: VN                            | Bộ    | 20    | 38.000  | 760.000    |
| 74 | Mền đắp đôi mền dày            | - Quy cách: 140x200cm<br>- Chất liệu: vải cotton mền dày<br>- Nước sản xuất: VN                             | Cái   | 20    | 150.000 | 3.000.000  |
| 75 | Bao bố                         | - Quy cách: 100x160cm<br>- Chất liệu: sợi nylon<br>- Nước sản xuất: VN                                      | Cái   | 190   | 20.000  | 3.800.000  |
| 76 | Dây nylon màu trắng tốt        | - Quy cách: 500g/cuộn<br>- Chất liệu: nylon<br>- Nước sản xuất: VN                                          | Cuộn  | 17    | 8.500   | 144.500    |
| 77 | Nước xả vải thơm               | - Quy cách: 800ml/chai<br>- Chất liệu: chai nhựa<br>- Nước sản xuất: VN                                     | Chai  | 54    | 75.000  | 4.050.000  |
| 78 | Giò xách mũ lớn (31*16*39cm)   | - Quy cách: (31x16x39)cm<br>- Chất liệu: nhựa PE<br>- Nước SX: Việt Nam                                     | Cái   | 4     | 120.000 | 480.000    |
| 79 | Nước rửa chén 4.5 lít          | - Quy cách: 4,5 lít,<br>- Mã sản phẩm: nurucsutr4.5<br>- Chất liệu: thơm hương chanh<br>- Hãng SX: Unilever | Can   | 4     | 140.000 | 560.000    |
| 80 | Xà bông rửa tay Lifebouy 180ml | - Quy cách: 180ml<br>- Tiêu chuẩn: diệt khuẩn tới 99,99%<br>- Hãng SX: Unilever                             | Chai  | 1.014 | 39.500  | 40.053.000 |
| 81 | Xà bông cục rửa tay Lifebouy   | - Quy cách: đóng cục 90g<br>- Tiêu chuẩn: diệt khuẩn tới 99,99%<br>- Hãng SX: Unilever                      | Cục   | 168   | 16.500  | 2.772.000  |

01920  
TỶ  
KHU  
HÀ  
IUNG  
G  
TÍNH

|    |                                 |                                                                                                             |      |       |         |            |
|----|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------|---------|------------|
| 82 | Xà bông Omo 6 kg                | - Quy cách: 6 kg<br>- Mã sản phẩm: KT1180<br>- Đặc tính: thơm hương dễ chịu<br>- Hãng SX: Unilever          | Bọc  | 42    | 245.000 | 10.290.000 |
| 83 | Dây thun khoan                  | - Quy cách: 1 kg/bịch<br>- Chất liệu: cao su tự nhiên<br>- Nước SX: Việt Nam                                | Kg   | 30    | 75.000  | 2.250.000  |
| 84 | Tấm bông (bọc lớn)              | - Quy cách: than gỗ, 2 đầu gắn<br>bông gòn để thấm nước<br>- Chất liệu: gỗ, bông gòn<br>- Nước SX: Việt Nam | Bọc  | 40    | 5.000   | 200.000    |
| 85 | Khăn vuông trắng                | - Quy cách: 40x40cm<br>- Chất liệu: vải trắng cotton dày<br>- Nước SX: Việt Nam                             | Cái  | 2.000 | 4.000   | 8.000.000  |
| 86 | Hộp đựng xà bông cục            | - Quy cách: 10x15cm, gắn tường<br>- Chất liệu: nhựa HDPE<br>- Nước SX: Việt Nam                             |      | 14    | 15.600  | 218.400    |
| 87 | Rổ mù 26 x 36 x 9cm<br>(DT 235) | - Quy cách: 26 x 36 x 9cm<br>(DT 235)<br>- Hiệu: Duy Tân<br>- Chất liệu: nhựa HDPE<br>- Nước SX: Việt Nam   | Cái  | 2     | 35.000  | 70.000     |
| 88 | Rổ mù 20 x 30 x 9cm             | - Quy cách: 26 x 36 x 9cm<br>(DT 235)<br>- Hiệu: Duy Tân<br>- Chất liệu: nhựa HDPE<br>- Nước SX: Việt Nam   | Cái  | 8     | 22.000  | 176.000    |
| 89 | Que xiên tre                    | - Quy cách: dài 20cm<br>- Chất liệu: gỗ tre<br>- Nước SX: Việt Nam                                          | Bịch | 10    | 65.000  | 650.000    |
| 90 | Bọc màng bao thức ăn            | - Quy cách: 25x100m<br>- Chất liệu: nhựa PE<br>- Nước SX: Việt Nam                                          | Cuộn | 8     | 78.000  | 624.000    |
| 91 | Bọc zip                         | - Quy cách: 18 x 21cm (dày)<br>- Chất liệu: nhựa PE<br>- Nước SX: Việt Nam                                  | Kg   | 8     | 85.000  | 680.000    |
| 92 | Lưỡi lam trắng                  | - Quy cách: No.10, 1 hộp 10 lưỡi<br>- Hiệu: Croma<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Nước SX: Đức           | Hộp  | 44    | 25.600  | 1.126.400  |
| 93 | Dao dục giấy                    | - Quy cách: sắt<br>- Hiệu: Thiên Long<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Nước SX: VN                        | Hộp  | 4     | 22.000  | 88.000     |
| 94 | Lưỡi dao dục giấy               | - Quy cách: sắt<br>- Hiệu: Thiên Long<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Nước SX: VN                        | Hộp  | 4     | 18.500  | 74.000     |
| 95 | Đèn pin sạc 5 bóng nhỏ<br>VN    | - Quy cách: AC85-265V Nguồn<br>220~50Hz<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Nước SX: Việt Nam                | Cái  | 47    | 55.000  | 2.585.000  |
| 96 | Ghế nhựa cao F5 Duy<br>Tân      | - Quy cách: 35 x 35 x 46cm<br>- Hiệu: Duy Tân<br>- Chất liệu: nhựa PP<br>- Nước SX: Việt Nam                | Cái  | 95    | 65.000  | 6.175.000  |

|     |                              |                                                                                                                                                                                                                     |       |       |           |            |
|-----|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-----------|------------|
| 97  | Sọt rác tròn 8 lít           | - Quy cách: 30x50cm<br>- Hiệu: Duy Tân<br>- Chất liệu: nhựa PP<br>- Nước SX: Việt Nam                                                                                                                               | Cái   | 6     | 35.000    | 210.000    |
| 98  | Ca mức nước có cán dài 20cm  | - Quy cách: dài 20cm<br>- Hiệu: Duy Tân<br>- Chất liệu: nhựa PP<br>- Nước SX: Việt Nam                                                                                                                              | Cái   | 28    | 15.600    | 436.800    |
| 99  | Xô nhựa 10 lít Duy Tân       | - Quy cách: 10 lít<br>- Hiệu: Duy Tân<br>- Chất liệu: nhựa PP<br>- Nước SX: Việt Nam                                                                                                                                | Cái   | 6     | 42.500    | 255.000    |
| 100 | Xô nhựa 20 lít Duy Tân       | - Quy cách: 20 lít<br>- Hiệu: Duy Tân<br>- Chất liệu: nhựa PP<br>- Nước SX: Việt Nam                                                                                                                                | Cái   | 15    | 68.500    | 1.027.500  |
| 101 | Xô nhựa 60 lít Duy Tân       | - Quy cách: 60 lít<br>- Hiệu: Duy Tân<br>- Chất liệu: nhựa PP<br>- Nước SX: Việt Nam                                                                                                                                | Cái   | 10    | 185.000   | 1.850.000  |
| 102 | Nước tẩy Javel               | - Quy cách: 1 lít/chai<br>- Hiệu: Mỹ Hào<br>- Nước SX: Việt Nam                                                                                                                                                     | Chai  | 336   | 22.600    | 7.593.600  |
| 103 | Thau giặt đồ 60cm            | - Quy cách: rộng 60cm<br>- Hiệu: Duy Tân<br>- Chất liệu: nhựa PP<br>- Nước SX: Việt Nam                                                                                                                             | Cái   | 1     | 75.000    | 75.000     |
| 104 | Thau múi tắm bé 60 x 120cm   | - Quy cách: 60x120cm<br>- Hiệu: Duy Tân<br>- Chất liệu: nhựa PP<br>- Nước SX: Việt Nam                                                                                                                              | Cái   | 3     | 125.000   | 375.000    |
| 105 | Bàn chải chà chân            | - Quy cách: 5x8cm<br>- Hiệu: Duy Tân<br>- Chất liệu: nhựa PP<br>- Nước SX: Việt Nam                                                                                                                                 | Cái   | 24    | 5.000     | 120.000    |
| 106 | Chai xịt muối                | - Quy cách: 600ml<br>- Hiệu: Jumbo con Voi<br>- Nước SX: Việt Nam                                                                                                                                                   | Chai  | 6     | 60.000    | 360.000    |
| 107 | Cước xanh                    | - Quy cách: 8x8cm<br>- Hiệu: Sumo<br>- Chất liệu: cước xanh<br>- Nước SX: Việt Nam                                                                                                                                  | Miếng | 20    | 5.000     | 100.000    |
| 108 | Ly nhựa giấy (loại nhỏ nhất) | - Quy cách: 280ml<br>- Chất liệu: nhựa PE<br>- Nước SX: Việt Nam                                                                                                                                                    | Cái   | 3.500 | 420       | 1.470.000  |
| 109 | Thùng rác y tế xanh 240      | - KT: (D720 x R570 x C1050)mm<br>- Dung tích: 240 lít, màu xanh, có 2 bánh xe, có viền khung sắt ở miệng thùng rác, có in logo y tế theo quy định của Bộ y tế<br>- Chất liệu: nhựa composite<br>- Nước SX: Việt Nam | Cái   | 10    | 1.250.000 | 12.500.000 |

|     |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |     |    |           |                    |
|-----|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|-----------|--------------------|
| 110 | Thùng rác y tế đen 240 l  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- KT: (D720 x R570 x C1050)mm</li> <li>- Dung tích: 240 lít, màu đen, có 2 bánh xe, có viền khung sắt ở miệng thùng rác, có in logo y tế theo quy định của Bộ y tế</li> <li>- Chất liệu: nhựa composite</li> <li>- Nước SX: Việt Nam</li> </ul> | Cái | 3  | 1.250.000 | 3.750.000          |
| 111 | Thùng rác y tế trắng 60 l | <ul style="list-style-type: none"> <li>- KT: (465 x 420 x 655)mm</li> <li>- Dung tích: 60 lít, màu trắng, có 4 bánh xe, có in logo y tế theo quy định của Bộ y tế</li> <li>- Chất liệu: nhựa composite</li> <li>- Nước SX: Việt Nam</li> </ul>                                         | Cái | 10 | 380.000   | 3.800.000          |
| 112 | Thùng rác y tế đen 60 lít | <ul style="list-style-type: none"> <li>- KT: (465 x 420 x 655)mm</li> <li>- Dung tích: 60 lít, màu đen, có 4 bánh xe, có in logo y tế theo quy định của Bộ y tế</li> <li>- Chất liệu: nhựa composite</li> <li>- Nước SX: Việt Nam</li> </ul>                                           | Cái | 10 | 38.000    | 380.000            |
|     |                           | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                       |     |    |           | <b>456.702.400</b> |

- Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi sáu triệu, bảy trăm linh hai ngàn, bốn trăm đồng.

Giá trên đã bao gồm thuế GTGT và chi phí giao hàng tận nơi.

Trân trọng cảm ơn Quý khách hàng!

Rạch Giá, ngày 27 tháng 11 năm 2024

NGƯỜI LẬP BẢNG



*Nguyễn Kim Dung*